

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

(Dự thảo 11-03-2025)

NGHỊ ĐỊNH

Về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng ngày 26 tháng 11 năm 2015;

Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 chính sách, chế độ đối với

cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chính sách, chế độ, gồm: **chính sách, chế độ** đối với người nghỉ việc (nghỉ hưu *trước tuổi* và nghỉ thôi việc); **chính sách** đối với người được bầu cử, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý thấp hơn hoặc thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; **chính sách** khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tăng cường đi công tác tại cơ sở; **chính sách** trọng dụng người có phẩm chất, năng lực nổi trội; **chính sách** đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp; **trách nhiệm** thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và *hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ* từ Trung ương đến cấp huyện, cán bộ, công chức cấp xã, lực lượng vũ trang (gồm Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và cơ yếu) *trong việc* thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp, *tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức* trong hệ thống chính trị, bao gồm:

1. Cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện (*sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức từ Trung ương đến cấp huyện*) và lực lượng vũ trang.

2. Các tổ chức hành chính của ***cơ quan, tổ chức từ Trung ương đến cấp huyện*** trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc không trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng thực hiện *tinh giản biên chế và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức*.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ cấu tổ chức của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; của các bộ, ngành, cơ quan ở trung ương; thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện *trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc không trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng viên chức*.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập khác còn lại (không thuộc quy định tại khoản 3 Điều này) hoàn thành việc sắp xếp tổ chức trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền.

5. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức cấp xã do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

6. Các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ từ Trung ương đến cấp huyện trực tiếp thực hiện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập tổ chức bộ máy”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và lực lượng vũ trang **chịu sự tác động trực tiếp của việc** sắp xếp tổ chức bộ máy, **sắp xếp** đơn vị hành chính các cấp (sau đây viết tắt là sắp xếp tổ chức bộ máy) quy định tại Điều 1 Nghị định này, bao gồm:

a) Cán bộ, công chức, viên chức;

b) Cán bộ, công chức cấp xã;

c) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động trước thời điểm ngày 15 tháng 01 năm 2019 và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được áp dụng chính sách như công chức (sau đây viết tắt là người lao động);

d) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam;

đ) Sĩ quan, hạ sĩ quan hưởng lương, công nhân công an và lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc Công an nhân dân;

e) Người làm việc trong tổ chức cơ yếu;

g) Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi để tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật lao động trước thời điểm ngày 15 tháng 01 năm 2019 và lực lượng vũ trang còn từ đủ 05 tuổi trở xuống đến tuổi nghỉ hưu trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 1 Nghị định này không chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng phải thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung

wong và địa phương do tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập.

4. Cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm; cán bộ đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm cấp ủy cùng cấp, có thời gian công tác tính từ ngày bắt đầu tổ chức đại hội còn từ 2,5 năm (30 tháng) đến 05 năm (60 tháng) đến đủ tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP và cán bộ đang tham gia cấp ủy ở các đảng bộ phải kết thúc hoạt động, kiện toàn tổ chức bộ máy còn từ 05 năm (60 tháng) trở xuống đến tuổi nghỉ hưu, có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi để tạo điều kiện sắp xếp nhân sự cấp ủy trong kỳ đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và được cấp có thẩm quyền đồng ý thì được áp dụng chính sách nghỉ hưu trước tuổi quy định tại Điều 7 Nghị định này; không hưởng chính sách quy định tại Nghị định số 177/2024/NĐ-CP”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 5 như sau:

“6. Tiền lương tháng hiện hưởng là tiền lương tháng liền kề trước khi nghỉ việc, bao gồm: Mức tiền lương theo ngạch, bậc, cấp bậc hàm, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp hoặc mức lương theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng lao động; các khoản phụ cấp lương (gồm: Phụ cấp chức vụ lãnh đạo; phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp ưu đãi theo nghề; phụ cấp trách nhiệm theo nghề; phụ cấp công vụ; phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội; phụ cấp đặc thù đối với lực lượng vũ trang) và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có) theo quy định của pháp luật về tiền lương”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Chính sách đối với người nghỉ hưu trước tuổi

Đối tượng quy định tại khoản 1, **khoản 2 và khoản 3** Điều 2 Nghị định này nghỉ hưu trước tuổi, được hưởng các chế độ sau:”

5. Sửa đổi, bổ sung tên của Điều 9 như sau:

“9. Chính sách nghỉ thôi việc đối với cán bộ, công chức và người làm việc tại các hội quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 và **khoản 3 Điều 2 Nghị định này”.**

6. Bỏ cụm từ “**cấp huyện**” tại khoản 2 Điều 12.

7. Sửa đổi, bổ sung tên gọi của Điều 15 và khoản 1 Điều 15 như sau:

“Điều 15. Chính sách, chế độ đối với đối tượng thuộc lực lượng vũ trang

1. Đối tượng quy định tại **điểm a**, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 và **khoản 2** Điều 2 Nghị định này **thuộc lực lượng vũ trang được thực hiện**

chính sách quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 14 Nghị định này”.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 và bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 16 như sau:

“2. Đối với viên chức và người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Kinh phí giải quyết chính sách, chế độ từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác. *Trường hợp các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo chi thường xuyên do Nhà nước đặt hàng thông qua giá dịch vụ nhưng giá dịch vụ chưa tính đủ các yếu tố cấu thành để giải quyết chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định này cho viên chức thì nguồn kinh phí giải quyết chính sách, chế độ do ngân sách nhà nước cấp.*”

“5. Đối với người làm việc trong chỉ tiêu biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương và địa phương trực tiếp sắp xếp tổ chức bộ máy: Kinh phí giải quyết chính sách, chế độ do ngân sách nhà nước cấp.

6. Đối với các tổ chức hành chính được thực hiện cơ chế tài chính đặc thù như đơn vị sự nghiệp công lập đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024 thì nguồn kinh phí giải quyết chính sách, chế độ do ngân sách nhà nước cấp”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 19 như sau:

“6. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, có thêm chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý *nhưng không quá 30% mức trợ cấp do Chính phủ quy định tại Nghị định này*”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 24 như sau:

“2. Các trường hợp đủ điều kiện hưởng chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định này mà đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết chính sách, chế độ theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 thì được cấp bù theo theo chính sách, chế độ tại Nghị định này.

3. Các trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết chính sách, chế độ theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, nếu chính sách, chế độ thấp hơn so với chính sách, chế độ quy định tại Nghị định này thì được cấp bù theo theo chính sách, chế độ tại Nghị định này.

4. Các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 theo quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan quân đội nhân dân

Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sỹ quan thôi phục vụ tại ngũ; sỹ quan tại ngũ hy sinh, tử trận; sỹ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01/03/2025 của Chính phủ); Nghị định số 151/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về chế độ, chính sách của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng; Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cơ yếu về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu, nhưng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 cấp có thẩm quyền chưa ban hành quyết định giải quyết chế độ, chính sách thì được áp dụng chính sách, chế độ tại Nghị định này”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Công tác đại biểu thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước căn cứ vào các quy định tại Nghị định này hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc giải quyết chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, Các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Hòa Bình